

STRESS VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN NĂM 2021

ĐINH THỊ HOA¹, ĐÀO XUÂN VINH²

¹Trường Đại học Công Đoàn

²Trường Đại học Thăng Long

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang sử dụng thang đo DASS 21 để đánh giá thực trạng stress của sinh viên Trường Đại học Công đoàn năm 2021. Kết quả nghiên cứu cho thấy 30,8% sinh viên dấu hiệu stress. Trong đó tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu stress nặng và rất nặng là 8,0%. Nghiên cứu phân tích được một số yếu tố có liên quan đến tình trạng stress của sinh viên bao gồm: Tập thể dục (OR = 1,87, $p < 0,05$); sự hỗ trợ xã hội [Từ gia đình (OR = 3,05; $p < 0,05$); từ bạn bè (OR = 2,17, $p < 0,05$); từ người quan trọng (OR = 2,25; $p < 0,05$); từ thầy cô, cán bộ trong trường (OR = 2,39; $p < 0,05$), mối quan hệ với gia đình (OR = 5,39; $p < 0,05$), mối quan hệ với bạn thân (OR = 9,79, $p < 0,05$). Kết quả nghiên cứu là cơ sở để nhà trường xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe tinh thần cho sinh viên.

Từ khóa: Stress, sinh viên, Đại học Công Đoàn

SUMMARY

STRESS STATUS AND RELATED FACTORS AMONG STUDENTS OF TRADE UNION UNIVERSITY IN 2021

A cross – study using DASS 21 to describe stress status among students of Trade union University in 2021 and some related factor. The results showed that the percentage of students suffering from stress in the study was 30.8% (Severe and extremely severe stress was 8.0%). There were some factors related to stress: Doing exercise (OR = 1.87, $p < 0.05$); Social Support [namely family (OR = 3.05; $p < 0.05$); friends (OR = 2.17, $p < 0.05$); significant other (OR = 2.25; $p < 0.05$) and teachers (OR = 2.39; $p < 0.05$); status of relationship with family (OR = 5.39; $p < 0.05$); status of relationship with best friends (OR = 9.79, $p < 0.05$). The research results to help the University to develop a mental health care plans for students.

Chịu trách nhiệm: Đinh Thị Hoa

Email: uyenchihoa@gmail.com

Ngày nhận: 06/9/2021

Ngày phản biện: 02/10/2021

Ngày duyệt bài: 12/10/2021

Keywords: Stress, students, Trade union University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo luật Giáo dục đại học, sinh viên được định nghĩa là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục đại học, theo học chương trình đào tạo cao đẳng, chương trình đào tạo đại học. Sinh viên là bộ phận trí tuệ và ưu tú trong các thế hệ thanh niên, là nơi kết tinh nhiều tài năng sáng tạo, là nguồn lao động có học vấn cao, có chuyên sâu và đại bộ phận sinh viên sẽ trở thành người trí thức của đất nước. Tuy nhiên, kết quả một số nghiên cứu gần đây trên thế giới cho thấy tỷ lệ sinh viên gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần trong đó có stress đang ở mức cao như nghiên cứu của Asfaw H và cộng sự trên sinh viên y khoa tại Đại học Haramaya cho kết quả có tới hơn 40% sinh viên bị stress, lo âu^[9], nghiên cứu của Erni Astutik, Susy Katikana Sebayang và cộng sự năm 2017 cũng cho thấy tỷ lệ stress của các sinh viên khá cao (38,9%)^[10]. Một số nghiên cứu trong nước cũng cho kết quả tương tự như nghiên cứu nghiên cứu của Đặng Đức Nhu năm 2015 với 68,29% sinh viên có stress^[4]; nghiên cứu của Bùi Văn Vân tại Đại học Đà Nẵng cho thấy tỷ lệ sinh viên có stress và không bị stress gần như bằng nhau^[7], nghiên cứu của Nguyễn Thái Sang cho kết quả tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu stress là 45,5%^[5]. Các nghiên cứu cũng chỉ ra cuộc sống gia đình, môi trường học tập, sự hỗ trợ của bạn bè, người thân, thói quen sinh hoạt... là những yếu tố được xác định có liên quan đến thực trạng stress, trầm cảm, lo âu ở sinh viên. Việc gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần có thể ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống, hiệu quả học tập và lao động của sinh viên.

Trường Đại học Công đoàn được thành lập vào năm 1992. Hiện nay, trường đang tổ chức đào tạo theo chương trình tín chỉ cho 9 ngành với tổng số gần 8000 sinh viên đến từ nhiều tỉnh thành khác nhau trong cả nước. Cũng giống như nhiều sinh viên khác, sinh viên Nhà trường đã và đang đối mặt với nhiều áp lực từ cuộc sống, từ học tập. Tuy nhiên, tại Đại học Công

đoàn đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào về thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên đang theo học tại trường. Với mong muốn trả lời các câu hỏi: Thực trạng stress ở sinh viên Trường Đại học Công đoàn hiện nay như thế nào? Có những yếu tố nào liên quan đến thực trạng trên? Đề từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sức khỏe cho sinh viên trong nhà trường. Chúng tôi, tiến hành nghiên cứu đề tài: “Stress và một số yếu tố liên quan ở sinh viên trường Đại học Công đoàn năm 2021”.

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm thứ nhất và năm thứ 4 trường Đại học Công đoàn năm học 2020-2021

2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu tại Trường Đại học Công đoàn. Địa chỉ: 169 - Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội. Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 04 năm 2021 đến tháng 08 năm 2021.

3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Áp dụng phương pháp nghiên cứu của Dịch tễ học với thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu:

Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng 1 tỷ lệ trong nghiên cứu mô tả.

Tổng số mẫu cần cho nghiên cứu là $195 \times 2 = 390$ sinh viên (năm thứ nhất 195 sinh viên và năm thứ tư 195 sinh viên).

Phương pháp chọn mẫu:

- Bước 1: Chọn lớp ở mỗi nhóm: Ở mỗi nhóm sinh viên năm thứ nhất và năm thứ tư có

9 chuyên ngành. Chúng tôi chọn ngẫu nhiên mỗi chuyên ngành 1 lớp đại diện bằng cách đánh số thứ tự các lớp trong từng chuyên ngành, dùng lệnh =RANDBETWEEN(bottom, top) trong excel để chọn ra lớp đại diện.

- Bước 2: Chọn sinh viên: Ở các lớp học đã được chọn ở bước 1 sẽ tiến hành chọn sinh viên theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện cho đến khi đủ số mẫu cần ở mỗi nhóm thì dừng.

Biến số nghiên cứu:

- Thực trạng stress: Phân loại tình trạng mắc (có/ không); Phân loại theo mức độ mắc 5 mức độ: Bình thường (không mắc); nhẹ; vừa; nặng và rất nặng].

- Yếu tố liên quan đến tình trạng stress của ĐTNCS: Giới tính; tình trạng học tập; thói quen sinh hoạt, sự hỗ trợ xã hội, mối quan hệ với gia đình, bạn thân, thầy cô giáo.

Thu thập và phân tích số liệu:

Số liệu được thu thập dựa trên Bộ câu hỏi được thiết kế sẵn (thông tin chung, bộ DASS 21)

Kỹ thuật thu thập thông tin: Áp dụng kỹ thuật thu thập thông tin gián tiếp thông qua phỏng vấn online bằng phần mềm kobotoolbox. Đối tượng nghiên cứu sẽ điền trực tiếp thông tin vào biểu mẫu khảo sát kobotoolbox.

Nhập liệu bằng phần mềm epidat 3.1. Xử lý số liệu bằng phần mềm Stata 13.0 cho các thông tin mô tả và phân tích thống kê: Đối với biến mô tả: số lượng và tỷ lệ %. Các yếu tố liên quan được đánh giá thông qua sử dụng phân tích hồi quy logistics đơn biến.

Tiêu chuẩn đánh giá:

Bảng 1. Phân loại tình trạng Stress theo DASS 21

Mức độ	Bình Thường	Nhẹ	Vừa	Nặng	Rất nặng
Điểm đánh giá mức độ	0 - 14	15 - 18	19 - 25	26 - 33	≥ 34
Điểm đánh giá tình trạng	Không có dấu hiệu (0-14 điểm)	Có dấu hiệu (≥ 15 điểm)			

4. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được giải thích cụ thể về mục đích của nghiên cứu. Đối tượng tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện. Mọi thông tin được đảm bảo giữ kín và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Được sự đồng ý của Ban Giám hiệu Trường Đại học Công Đoàn và được thông qua bởi hội đồng duyệt đề cương trường Đại học Thăng Long.

KẾT QUẢ

Tình trạng stress của đối tượng nghiên cứu (n=390)

Nhận xét: Trong 390 sinh viên tham gia nghiên cứu có 69,2% sinh viên không có dấu hiệu stress, 30,8% sinh viên có dấu hiệu stress.

Bảng 2. Mức độ stress của đối tượng nghiên cứu (n = 390)

Mức độ stress	Số lượng	Tỷ lệ %
Bình thường	270	69,2
Nhẹ	53	13,6
Vừa	36	9,2
Nặng	23	5,9
Rất nặng	8	2,1

Nhận xét: Tỷ lệ đối tượng có dấu hiệu stress ở các mức độ nhẹ, vừa, nặng và rất nặng lần lượt là 13,6%, 9,2%, 5,9% và 2,1%.

Bảng 3. Mối liên quan giữa yếu tố cá nhân với stress của sinh viên (n =390)

Yếu tố cá nhân		Có	Không	OR, 95%CI	p
		SL (%)	SL (%)		
Giới	Nữ	99 (31,5)	215 (68,5)	1,2 0,69-2,10	> 0,05
	Nam	21 (27,6)	55 (72,4)		
Đi làm thêm	Không	58 (33,3)	116 (66,7)	1,24 0,80-1,91	> 0,05
	Có	62 (28,7)	154 (71,3)		
Thi lại	Có	17 (38,6)	27 (61,4)	1,48 0,77-2,84	> 0,05
	Không	103 (29,8)	243 (70,2)		
Học lại	Có	28 (40,0)	42 (60,0)	1,65 0,96-2,82	> 0,05
	Không	92 (28,8)	228 (71,2)		
Xếp loại học lực	≤ Trung bình	31 (38,8)	49 (61,2)	1,57 0,94-2,62	> 0,05
	Khá, giỏi	89 (28,7)	221 (71,3)		

Nhận xét: Nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố cá nhân với tình trạng stress của ĐTNC ($p > 0,05$) (Bảng 3).

Bảng 4. Mối liên quan giữa thói quen sinh hoạt với stress của sinh viên (n = 390)

Thói quen sinh hoạt		Có	Không	OR, 95%CI	p
		SL (%)	SL (%)		
Thường xuyên hút thuốc lá	Có	1 (25,0)	3 (75,0)	0,74 0,08-7,26	> 0,05
	Không	119 (30,8)	267 (69,2)		
Thường xuyên uống rượu bia	Có	3 (42,9)	4 (57,1)	1,7 0,37-7,73	> 0,05
	Không	117 (30,6)	266 (69,4)		
Thường xuyên sử dụng internet	Có	117 (31,8)	251 (68,2)	2,95 0,86-10,17	> 0,05
	Không	3 (13,6)	19 (86,4)		
Thường xuyên tập thể dục	Không	77 (36,8)	132 (63,2)	1,87 1,2-2,91	< 0,05
	Có	43 (23,8)	138 (76,2)		

Nhận xét: Có mối liên quan giữa việc thường xuyên tập thể dục với tình trạng stress của sinh viên. Nhóm sinh viên thường xuyên tập thể dục có khả năng không có dấu hiệu stress cao hơn 1,87 lần ($p < 0,05$) so với nhóm không thường xuyên tập thể dục. Nghiên cứu cũng chỉ ra không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa việc thường xuyên hút thuốc lá, thường xuyên uống rượu, thường xuyên sử dụng internet với tình trạng stress ($p > 0,05$).

Bảng 5. Mối liên quan giữa sự hỗ trợ xã hội với stress của sinh viên (n = 390)

Sự hỗ trợ xã hội		Có	Không	OR, 95%CI	p
		SL (%)	SL (%)		
Từ phía gia đình	Chưa tốt	47 (50,0)	47 (50,0)	3,05 1,88-4,95	<0,05
	Tốt	73 (24,7)	223 (75,3)		
Từ phía bạn bè	Chưa tốt	37 (44,6)	46 (55,4)	2,17 1,31-3,58	<0,05
	Tốt	83 (27,0)	224 (73,0)		
Từ phía người quan trọng	Chưa tốt	50 (43,5)	65 (56,5)	2,25 1,42-3,56	<0,05
	Tốt	70 (25,5)	205 (74,6)		
Từ thầy cô, cán bộ trong trường	Không	21 (48,8)	22 (51,2)	2,39 1,25-4,54	<0,05
	Có	99 (28,5)	248 (71,5)		

Nhận xét:

Nhóm có sự hỗ trợ tốt từ gia đình có khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 3,05 lần so với nhóm có hỗ trợ chưa tốt ($p < 0,05$).

Nhóm có sự hỗ trợ tốt từ bạn bè có khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 2,17 lần so với nhóm có hỗ trợ chưa tốt ($p < 0,05$).

Nhóm có sự hỗ trợ tốt từ người quan trọng có khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 2,25 lần so với nhóm có hỗ trợ chưa tốt ($p < 0,05$).

Nhóm nhận được sự hỗ trợ từ thầy cô, cán bộ nhà trường có khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 2,39 lần so với nhóm không nhận được sự hỗ trợ ($p < 0,05$).

Bảng 6. Mối liên quan giữa mối quan hệ với gia đình, bạn thân người yêu với stress của sinh viên (n = 390)

Tình trạng các mối quan hệ		Có	Không	OR, 95%CI	p
		SL (%)	SL (%)		
Với gia đình (n = 390)	Không tốt	9 (69,2)	4 (30,8)	5,39 1,62 - 17,98	< 0,05
	Tốt	111 (29,4)	266 (70,6)		
Với bạn thân (n = 367)	Không tốt	4 (80,0)	1 (20,0)	9,79 1,08 - 88,62	< 0,05
	Tốt	105 (29,0)	257 (71,0)		
Với người yêu (n = 143)	Không tốt	2 (33,3)	4 (66,7)	1,4 0,24 - 7,98	> 0,05
	Tốt	36 (26,3)	101 (73,7)		

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tình trạng quan hệ với gia đình (OR = 5,39), mối quan hệ với bạn thân (OR = 9,79) và tình trạng stress của sinh viên ($p < 0,05$).

BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu stress là 30,8%. So với nghiên cứu một số tác giả trước đây như nghiên cứu của Nguyễn Thành Trung, Hoàng Đức Luận ở sinh viên y tế công cộng tại một trường đại học ở Hà Nội năm 2017 (34,4%)^[6] hay nghiên cứu của Vũ Khắc Lương và Phạm Thị Huyền Trang năm 2013 tại sinh viên Đại học Y Hà Nội (63,6%)^[3] thì nghiên cứu của chúng tôi có kết quả thấp hơn. Lý giải cho sự khác nhau này bởi các nghiên cứu sử dụng các thang đo khác nhau. Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng thang đo DASS21, trong khi các nghiên cứu còn lại sử dụng nhiều thang đo khác nhau như SRQ20, PSS...

Tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu stress ở các mức độ nhẹ, vừa, nặng và rất nặng trong nghiên cứu lần lượt là 13,6%, 9,2%, 5,9% và 2,1%. Như vậy, tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu stress nặng và rất nặng trong nghiên cứu là 8,0%. Thấp hơn so với nghiên cứu của Đặng Đức Nhu năm 2015 (19,03%)^[4] và nghiên cứu năm 2018 trên 123 sinh viên tại Học viện Công nghệ Eritrea (13%)^[11].

Khi phân tích các yếu tố liên quan đến stress của sinh viên, kết quả cho thấy trong nhóm yếu tố thói quen sinh hoạt, chỉ phân tích được mối liên quan giữa việc tập thể dục và tình trạng stress của đối tượng nghiên cứu ($p < 0,05$). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Vũ Dũng năm 2015 ở sinh viên điều dưỡng Đại học Thăng Long. Sinh viên có tập thể dục (OR = 5,19 (95%CI: 2,51-10,72))^[1].

Phân tích mối liên quan giữa nhóm yếu tố tình trạng mối quan hệ với gia đình, bạn thân, người yêu và tình trạng stress của sinh viên cho thấy nhóm có mối quan hệ với gia đình tốt có

khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 5,39 lần so với nhóm có mối quan hệ không tốt. Kết quả này của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Đoàn Vương Diễm Khánh và cộng sự^[2]. Tương tự, nhóm có mối quan hệ tốt với bạn thân có khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 9,79 lần so với nhóm có quan hệ không tốt. Các mối liên quan này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Nghiên cứu tương đồng với kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Thành Trung, Hoàng Đức Luận^[6].

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nhóm có sự hỗ trợ tốt từ gia đình có khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 3,05 lần so với nhóm có hỗ trợ chưa tốt (95%CI: 1,88-4,95). Nhóm có sự hỗ trợ tốt từ bạn bè có khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 2,17 lần so với nhóm có hỗ trợ chưa tốt (95%CI: 1,31-3,58). Nhóm có sự hỗ trợ tốt từ người quan trọng có khả năng không có dấu hiệu stress cao gấp 2,25 lần so với nhóm có hỗ trợ chưa tốt (95%CI: 1,42 - 3,56). Như vậy, sự hỗ trợ của xã hội có liên quan đến tình trạng stress của đối tượng nghiên cứu ($p < 0,05$). So với kết quả nghiên cứu của chúng tôi, kết quả nghiên cứu của Vũ Dũng có điểm tương đồng khi tìm được mối liên quan giữa sự hỗ trợ của bạn bè và người đặc biệt với tình trạng stress của sinh viên [Hỗ trợ từ bạn bè (Tốt bằng 0,45 so với chưa tốt (95%CI: 0,25 - 0,79), người đặc biệt (OR=0,36; 95%CI: 0,19 - 0,66)], tuy nhiên nghiên cứu của Vũ Dũng không tìm được mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hỗ trợ của gia đình với tình trạng stress^[1].

Nghiên cứu còn phân tích được mối liên quan giữa việc nhận được sự hỗ trợ của thầy cô và cán bộ nhà trường với tình trạng stress của đối tượng nghiên cứu (OR = 2,39; 95%CI: 1,25 - 4,54, $p < 0,05$). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Lê Hải Yến ở sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên năm 2016 (OR = 1,56)^[8].

KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu stress trong nghiên cứu ở mức cao (30,8%). Trong đó, mức độ stress nhẹ, vừa, nặng và rất nặng lần lượt là 13,6%, 9,2%, 5,9% và 2,1%. Các yếu tố liên quan đến tình trạng stress của đối tượng nghiên cứu gồm: Tập thể dục (OR = 1,87); sự hỗ trợ từ phía gia đình (OR = 3,05); sự hỗ trợ từ bạn bè (OR = 2,17); Sự hỗ trợ từ người quan trọng (OR = 2,25); nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ từ thầy cô, cán bộ trong trường (OR = 2,39); mối quan hệ với gia đình (OR = 5,39); mối quan hệ với bạn thân (OR = 9,79). Như vậy, qua phân tích có thể thấy nhóm yếu tố sự hỗ trợ xã hội và mối quan hệ với gia đình, bạn bè là nhóm có ảnh hưởng chủ đạo đến tình trạng stress của sinh viên trong nghiên cứu. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhà trường cần xây dựng các chương trình dự phòng các vấn đề sức khỏe tâm thần cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Vũ Dũng.** Thực trạng stress của sinh viên điều dưỡng Đại học Thăng Long năm 2015 và một số yếu tố liên quan. Luận văn Thạc sĩ Y tế Công cộng, Trường Đại học Y tế Công cộng. 2015.
2. **Đoàn Vương Diễm Khánh** và cộng sự. Stress và các yếu tố liên quan ở sinh viên Khoa Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Dược Huế. Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y Dược Huế. 2016; Tập 6, số 3, tr. 66 - 72.
3. **Vũ Khắc Lương, Phạm Thị Huyền Trang.** Thực trạng Stress ở sinh viên Đại học Y Hà Nội năm 2013. Tạp chí Y học Dự phòng. 2013; TXXIII, số 8 (144), 112 - 116.
4. **Đặng Đức Nhu.** Thực trạng và các yếu tố liên quan đến stress của sinh viên năm thứ 3 Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2015. Tạp chí Y học Dự phòng. 2016; Tập XXVI, Số 1 (174), tr. 149 - 153.
5. **Nguyễn Thái Sang** và cộng sự. Tỷ lệ stress và chiến lược ứng phó của sinh viên y học dự phòng, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh. 2020; 24 (1), 48 - 54.
6. **Nguyễn Thành Trung, Hoàng Đức Luân.** Thực trạng và các yếu tố liên quan đến stress của sinh viên y tế công cộng tại một trường đại học ở Hà Nội năm 2017. Tạp chí Y học Dự phòng. 2017; 27 (13), 131 - 138.
7. **Bùi Văn Vân.** Biểu hiện Stress của sinh viên Đại học Đà Nẵng. Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng. 2009; 6(35), 126 - 132.
8. **Lê Hải Yên.** Stress ở sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên năm 2016 và một số yếu tố liên quan. Luận văn Thạc sĩ Y tế Công cộng, Trường Đại học Y tế Công cộng. 2016.
9. **Asfaw H et al.** Anxiety and Stress Among Undergraduate Medical Students of Haramaya University, Eastern Ethiopia, Neuropsychiatric Disease and Treatment. 2021; 17, 139 - 146.
10. **Susy Katikana Sebayang Erni Astutik, Septa Indra Puspikawati et al.** Depression, Anxiety, and Stress among Students in Newly Established Remote University Campus in Indonesia, Mal J Med Health Sci. 2020; 16(1): 270 - 277.
11. **Werede Tareke Dawit Yikealo, Ikali Karvinen** (2018), "The Level of Stress among College Students: A Case in the College of Education, Eritrea Institute of Technology". Open Science Journal 3(4). 2018.

KHẢO SÁT ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG VÀ VI SINH TRONG VIÊM LOÉT GIÁC MẠC DO VI KHUẨN TẠI BỆNH VIỆN MẮT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ TRÚC MAI, NGUYỄN HỮU CHỨC, ĐOÀN KIM THÀNH
Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Trúc Mai
Email: nguyenthitrucmai261094@gmail.com
Ngày nhận: 18/8/2021
Ngày phản biện: 23/9/2021
Ngày duyệt bài: 04/10/2021

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát đặc điểm lâm sàng và vi sinh của viêm loét giác mạc do vi khuẩn tại bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả, khảo sát 99 trường hợp viêm loét giác mạc do vi khuẩn tại Khoa Giác mạc, Bệnh